

Số: **19** /2021/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **18** tháng **6** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình,
dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 16 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3475/TTr-SKHĐT-THQH ngày 15 tháng 4 năm 2021, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1239/STP-VB ngày 06 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

2. Bãi bỏ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định khác của Ủy ban nhân dân Thành phố trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Trưởng Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Thủ trưởng các Sở ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty Nhà nước trực thuộc Thành phố quản lý và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PCVP;
- Trung tâm Công báo;
- Các phòng NCTH;
- Lưu: VT, (DA-HN) D. 27

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Phong



QUY ĐỊNH

Về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số **19** /2021/QĐ-UBND
ngày **18** tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Các cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Các cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật Xây dựng, cụ thể:

a) Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị);

b) Sở Giao thông vận tải đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công Thương đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này);

đ) Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý;

e) Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

2. Các cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận – huyện (*gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*): Ủy ban nhân dân cấp huyện giao phòng, ban có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan chuyên môn quản lý xây dựng cấp huyện.

Điều 4. Các cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao phòng, ban có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp huyện.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Điều 5. Giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho chương trình, dự án sau đây:

a) Chương trình, dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

b) Dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư;

c) Chương trình, dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công từ Ngân sách Thành phố.

2. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập hồ sơ, trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công ngân sách cấp huyện.

3. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 (*chương trình, dự án nhóm A, B, C của cơ quan nhà nước thuộc cấp mình quản lý; chương trình, dự án nhóm A của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tự đảm bảo chi thường xuyên; chương trình, dự án nhóm A, B của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc khác, trừ các đơn vị được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020*):

a) Đối với chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trực tiếp Ủy ban nhân dân Thành phố: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

b) Đối với chương trình, dự án của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan chuyên môn của Thành phố quản lý: giao cơ quan chuyên môn (đơn vị cấp trên của các đơn vị sự nghiệp công lập) tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

c) Đối với chương trình, dự án của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giao đơn vị trực thuộc tham mưu, trình quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

Điều 6. Nguyên tắc xác định cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư

1. Đối với chương trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này, cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được xác định như sau:

a) Các cơ quan chuyên môn được xác định là cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do cơ quan mình quản lý theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020;

b) Đối với các chương trình, dự án thuộc nhiều lĩnh vực, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ, trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ, trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được xác định theo nguyên tắc tại khoản 1 Điều này quyết định việc phối hợp với các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, khu vực để triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư đảm bảo hiệu quả.

3. Các cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ, trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được xác định theo nguyên tắc tại khoản 1 Điều này là cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập hồ sơ, trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh trong trường hợp phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

Điều 7. Thẩm định chủ trương đầu tư

1. Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia (trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư); chương trình, dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; chương trình, dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố: Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tổ chức thẩm định.

2. Đối với dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định.

3. Đối với chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với trường hợp không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp huyện): Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020:

a) Đối với chương trình, dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tổ chức thẩm định;

b) Đối với chương trình, dự án nhóm B, C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư;

c) Đối với chương trình, dự án của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định theo quy định hiện hành.

5. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định chủ trương đầu tư tại khoản 1 đến khoản 4 Điều này là cơ quan, tổ chức thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Điều 8. Về thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối đối với chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công Ngân sách Thành phố gửi cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công trực thuộc tổ chức thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý.

3. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020:

a) Đối với chương trình, dự án của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trực tiếp Ủy ban nhân dân Thành phố: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

b) Đối với chương trình, dự án của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan chuyên môn của Thành phố quản lý: Cơ quan chuyên môn (đơn vị cấp trên của các đơn vị sự nghiệp công lập) là cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

c) Đối với chương trình, dự án của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan có chức năng trực thuộc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

Điều 9. Trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công

1. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn Ngân sách:

a) Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo đề nghị của cơ quan thẩm định tại Điều 7 Quy định này, của Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc cơ quan chủ trì thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 (nếu có), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư;

b) Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố: Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định tại Điều 7 Quy định này, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư;

c) Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với trường hợp không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp huyện): Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh lại hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định tại Điều 7, gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp huyện để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư đối với

trường hợp không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp huyện hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư đối với trường hợp có tổ chức Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020:

a) Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư theo quy định;

b) Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo ý kiến của cơ quan thẩm định, gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp huyện để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

Điều 10. Dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Đối với chương trình, dự án có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: chủ đầu tư (được xác định trong quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền) chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021.

2. Đối với chương trình, dự án không có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

3. Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Điều 11. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

1. Đối với dự án tu bổ di tích có cấu phần xây dựng nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc Ngân sách Thành phố: Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn có chức năng thẩm định và người quyết định đầu tư theo quy định.

2. Đối với chương trình, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc Ngân sách Thành phố có cấu phần xây dựng, trừ các dự án được quy định tại Khoản 1 Điều này: Các cơ quan được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021; đồng thời, thẩm định Báo cáo chuyên môn xây dựng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021.

3. Đối với chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc Ngân sách Thành phố không có cấu phần xây dựng:

a) Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, trừ chương trình, dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, trừ chương trình, dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông và Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập.

4. Đối với chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 39, 40 Luật Đầu tư công.

5. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư:

a) Đối với dự án nhóm A có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: giao các cơ quan được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021; đồng thời, thẩm định Báo cáo chuyên môn xây dựng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021;

b) Đối với dự án nhóm A không có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tổ chức thẩm định theo quy định;

c) Đối với chương trình, dự án nhóm B, C thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này;

d) Đối với chương trình, dự án của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020.

6. Đối với dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng được tách thành dự án độc lập theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019, được phân loại dự án theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 20 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020:

a) Trường hợp phân loại là dự án có cấu phần xây dựng: Các cơ quan được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này thực hiện tổ chức thẩm định dự án theo quy định;

b) Trường hợp phân loại là dự án không có cấu phần xây dựng: Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tổ chức thẩm định dự án theo quy định.

7. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại khoản 1 đến khoản 6 Điều này là cơ quan tổ chức thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Điều 12. Ủy quyền quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C (bao gồm các dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố nhưng không bao gồm các dự án được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 35 Luật Đầu tư công) thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền quyết định đầu tư trong vòng 60 tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực, như sau:

a) Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao quyết định đầu tư các dự án tu bổ di tích có cấu phần xây dựng;

b) Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này quyết định đầu tư đối với dự án có cấu phần xây dựng;

c) Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, trừ dự án do Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập) thẩm định;

d) Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng, trừ dự án do Sở Thông tin và Truyền thông và Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập) thẩm định.

2. Người đứng đầu các cơ quan được ủy quyền tại khoản 1 Điều này thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của “Người có thẩm quyền quyết định đầu tư” được nêu tại Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng và các quy định có liên quan.

Chương IV

KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ VÀ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

Điều 13. Kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư

1. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và các dự án đã được ủy quyền tại khoản 1 Điều 12 của Quy định này: Cơ quan thẩm định dự án theo quy định Điều 11 của Quy định này hoặc cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định (đối với các dự án do Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định) tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại Điều 71, Điều 72, Điều 76 Luật Đầu tư công năm 2019.

2. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo quy định tại Điều 71, Điều 72, Điều 76 Luật Đầu tư công năm 2019.

Điều 14. Về xử lý chuyển tiếp đối với các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước thời điểm Luật Đầu tư công năm 2014 có hiệu lực

Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước thời điểm Luật Đầu tư công năm 2014 có hiệu lực (ngày 01 tháng 01 năm 2015) không có quyết định chủ trương đầu tư: không phải lập và thực hiện thủ tục trình quyết định chủ trương đầu tư dự án trước khi thực hiện điều chỉnh dự án.

Điều 15. Đối với việc điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đã được phê duyệt trước ngày Luật Đầu tư công năm 2019 có hiệu lực (ngày 01 tháng 01 năm 2020)

1. Đối với trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án:

a) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nhóm A; tổ chức thẩm định và phê duyệt điều chỉnh đối với dự án nhóm B, nhóm C.

2. Đối với trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm lập và hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;

c) Sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh, việc điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 2 có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Quy định này, làm đầu mối tổng hợp báo cáo, vướng mắc và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Khi các quy định được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới: áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, quyết định đầu tư và tổ chức quản lý thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và các quy định, hướng dẫn khác có liên quan./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ